

# LIÊN KẾT "4 NHÀ" - NHÀ NƯỚC, NHÀ NÔNG, NHÀ KHOA HỌC VÀ NHÀ DOANH NGHIỆP TRONG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VIỆT NAM HIỆN NAY

ĐINH QUANG HẢI\*

**T**rong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam hiện nay, hình thức liên kết "4 nhà" - nhà nước, nhà nông, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp đã bước đầu được hình thành và phát huy hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh và trong đời sống xã hội. Sự liên kết đó là nhân tố phát huy mạnh mẽ sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc và là đường lối nhất quán của cách mạng Việt Nam. Đó cũng chính là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu, là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây, cũng như trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước hiện nay.

Trong phạm vi bài viết này, tôi muốn làm rõ hai vấn đề chính: *Thứ nhất* trình bày những nét mới trong liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong giai đoạn CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; *Thứ hai* liên kết "4 nhà" - nhà nước, nhà nông, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp đã được triển khai thực hiện như thế nào trong quá trình chuyển đổi ở nông thôn Việt Nam hiện nay.

## I. LIÊN MINH CÔNG - NÔNG - TRÍ TRONG GIAI ĐOẠN CNH, HĐH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: muốn giải quyết đúng đắn các mối quan hệ lợi ích, trước hết phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ cốt lõi là dân tộc và giai cấp. Trong mối quan hệ đó, vai trò lãnh đạo và lợi ích của giai cấp công nhân chỉ có thể được đảm bảo khi giai cấp công nhân trở thành trung tâm liên kết các giai cấp, đại diện lợi ích chung nhất của các giai cấp. Chính vì vậy, ngay từ khi bước lên vũ đài chính trị và trong suốt 76 năm qua, giai cấp công nhân Việt Nam đã lôi cuốn được giai cấp nông dân, một lực lượng đông đảo nhất chiếm gần 80% dân số, phát huy cao độ năng lực cách mạng to lớn của nông dân và đoàn kết được đội ngũ trí thức trong Mặt trận dân tộc thống nhất, tạo thành sức mạnh to lớn, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức đã có những đóng góp to lớn và được đánh giá cao trong cách mạng dân tộc dân chủ. Khi Việt Nam bắt đầu chuyển sang thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước trong điều kiện hòa bình, đã có những lúc chúng ta mắc phải hạn chế sai

\* TS. Viện Sử học.

lâm, đánh giá chưa đúng mức về quy mô, tốc độ và phương hướng phát triển của công nghiệp và nông nghiệp trong tình hình mới. Chúng ta đã coi khu vực nông nghiệp, nông thôn là khu vực trì trệ, kém phát triển, coi người nông dân còn mang nặng tâm lý bảo thủ, sản xuất nhỏ, làm cản trở con đường đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Từ nhận thức đó, chúng ta đã chủ trương cần phải đẩy nhanh cải tạo nông nghiệp và nông thôn, đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Thực hiện chủ trương đó, các hợp tác xã, tổ sản xuất đã được thành lập và số lượng tăng lên rất nhanh. Nhưng với mô hình hợp tác xã theo kiểu tập trung, quan liêu và phân phối bình quân theo kiểu cũ đã sớm lâm vào tình trạng trì trệ, suy thoái và tan vỡ.

Nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đưa nền nông nghiệp Việt Nam phát triển, trong những năm 1976-1980, chúng ta đã bắt đầu triển khai thực hiện quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với nội dung chủ yếu là cơ giới hóa đồng bộ và áp dụng các phương pháp công nghiệp trong trồng trọt và chăn nuôi. Tuy nhiên, qua thực tế mấy năm thử nghiệm, mô hình này đã sớm bộc lộ nhiều nhược điểm cả về kinh tế, kỹ thuật và tổ chức. Bài học thực tiễn được rút ra là CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn không chỉ giản đơn là phát triển công nghiệp nông thôn và hiện đại hóa một số công đoạn như cơ giới hóa và điện khí hóa, mà còn bao gồm toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và đời sống vật chất tinh thần ở nông thôn phù hợp với nền sản xuất công nghiệp hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến.

Trong khi còn đang lúng túng tìm kiếm những mô hình và giải pháp thích hợp thì chính từ những người nông dân, bằng tài trí thông minh và khả năng sáng tạo, cùng

với những kinh nghiệm xương máu được đúc rút ra từ thực tế lăn lộn trong lao động sản xuất trên đồng ruộng và trước những đòi hỏi bức xúc của cuộc sống hàng ngày, họ đã tìm ra được mô hình "*khoán hộ*" (1). Với mô hình đó đã giúp cho Đảng và Nhà nước có được cơ sở thực tiễn để quyết định ban hành những chính sách đổi mới phù hợp với quy luật của cuộc sống và đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân lao động.

Chủ trương đường lối đổi mới đã thật sự được bắt đầu từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12-1986). Đại hội đã quyết định chuyển nền kinh tế từ vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng thực tế trong nông nghiệp, quá trình đổi mới đã diễn ra ngay từ năm 1981, khi Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 100-CT/TW "*Về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động*". Tuy nhiên, cơ chế khoán sản phẩm thực hiện từ năm 1981-1986 cũng chỉ tạo ra những thay đổi bước đầu, chưa có sự chuyển biến rõ nét. Thực chất vẫn là thực hiện cơ chế khoán trên cơ sở duy trì chế độ sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất và những yếu tố của cơ chế cũ. Kết quả là sản xuất nông nghiệp vẫn giảm. Sản lượng năm 1986 đạt 18,37 triệu tấn lương thực, năm 1987 giảm còn 17,5 triệu tấn, đầu năm 1988 nạn đói xảy ra trên diện rộng: 21 tỉnh với 9,3 triệu người thiếu ăn (2). Chỉ đến khi có Nghị quyết 10/NQ-TW của Bộ Chính trị (khoá VI), tháng 4-1988, khu vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn mới đổi mới mạnh mẽ và có những đổi thay to lớn. Với Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (gọi tắt là "*Khoán 10*") và *Luật Đất đai* sửa đổi được Quốc hội khóa IX thông qua ngày

27-9-1993, trong đó thừa nhận sự tồn tại khách quan, lâu dài và bình đẳng trước pháp luật của mọi thành phần kinh tế; trao lại quyền quyết định sử dụng lao động, vốn và quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho hộ nông dân với tư cách là đơn vị kinh tế tự chủ, nền nông nghiệp và nông thôn Việt Nam trở thành khu vực có sự đổi mới rõ nét nhất, đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện nhất. Vì vậy, có thể coi sự ra đời của Nghị quyết 10 là mốc lịch sử đánh dấu sự thay đổi về tư duy kinh tế của Đảng ta, là bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của nền nông nghiệp Việt Nam.

Từ đầu năm 1994, căn cứ vào những thành tựu đạt được đã và đang tạo ra những tiền đề để đưa đất nước chuyển sang thời kỳ mới, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khóa VII), Đảng ta đã quyết định *"thời kỳ đẩy tới một bước CNH, HĐH đất nước"* (3). Nhờ quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, Việt Nam đã vượt qua được giai đoạn thử thách gay go và đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng: "Tốc độ tăng trưởng GDP cao và tăng dần. Bình quân trong thời kỳ (1986-1990) tăng 3%, (1991-1994) tăng 8,2%, năm 1996 tăng 9,34%" (4).

Đánh giá những thành tựu to lớn đã đạt được và những tiền đề đã tạo ra sau 10 năm đổi mới, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6-1996) đã nhận định: *"Nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH..."* (5). Đó là thời kỳ được tiến hành trong điều kiện mới hết sức thuận lợi do cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới tiếp tục phát triển nhanh với trình độ ngày càng cao. Điều kiện đó cho phép Việt Nam đi thẳng vào khoa học kỹ thuật hiện đại, tranh thủ những công nghệ tiên tiến của

thế giới để đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Thắng lợi của đường lối đổi mới và những chính sách phát triển hợp quy luật, hợp lòng dân thời kỳ này đã thúc đẩy hơn nữa nền kinh tế Việt Nam phát triển và đạt được những thành tích to lớn: "Tổng sản phẩm trong nước 5 năm (2001-2005) tăng bình quân 7,51%/năm, trong đó năm 2001: 6,90%, năm 2002: 7,08%, năm 2003: 7,40%, năm 2004: 7,80%, năm 2005: 8,43%. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 5 năm đạt 111 tỷ USD, tăng 17,5%/năm. Năm 2005, xuất khẩu bình quân đầu người đạt 390 USD, gấp đôi năm 2000" (6).

Trong khu vực nông nghiệp, nông thôn, giai cấp nông dân với gần 70% lực lượng lao động xã hội đang làm việc trong ngành nông nghiệp, đã tạo ra gần một phần ba tổng sản phẩm trong nước và hơn 40% giá trị xuất khẩu hàng năm. Việt Nam từ chỗ thiếu lương thực, hàng năm "phải nhập trên dưới một triệu tấn lương thực đã trở thành một nước có nền sản xuất hàng hóa, không những tự túc được lương thực, mà còn đứng thứ hai về xuất khẩu gạo và là một trong những nước xuất khẩu lớn cà phê, cao su, chè, hạt tiêu, điều, hải sản" (7).

Tuy nhiên, trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập quốc tế đang diễn ra nhanh chóng hiện nay, đòi hỏi CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn Việt Nam phải bắt kịp trào lưu phát triển khoa học kỹ thuật và phương pháp quản lý tiên tiến của thế giới để tạo điều kiện cho kinh tế Việt Nam hội nhập với thế giới bên ngoài; đồng thời phải biết kết hợp hài hòa giữa kinh nghiệm truyền thống với tiếp thu văn minh công nghiệp từ bên ngoài để bảo đảm cho tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn

phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam.

Thực tế đó đòi hỏi sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và sự hội nhập vào nền kinh tế thế giới cần phải áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ vào các lĩnh vực của sản xuất. Điều đó đặt ra những đòi hỏi mới về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực để làm sao có thể đáp ứng được yêu cầu của quy trình khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại.

Như vậy, sự phát triển mau chóng của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại mà những hệ quả xã hội to lớn do nó đem lại, với những biến đổi về cơ cấu xã hội do sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, đòi hỏi chúng ta phải đổi mới tư duy trong cách nhìn nhận và đánh giá về các giai tầng xã hội. Điều đó cũng có nghĩa là *Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước cần phải đạt tới những nội dung phong phú và toàn diện hơn*. Ở đây, sự liên minh không chỉ bao gồm những vấn đề chính trị, mà còn bao gồm cả những vấn đề về kinh tế, mà sự liên kết đó theo như đánh giá của nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu là "sự liên kết giữa kinh tế Nhà nước với kinh tế hộ nông dân, kinh tế hợp tác trong nông nghiệp ở nông thôn trong quá trình CNH, HĐH theo con đường xã hội chủ nghĩa là hình ảnh sinh động và nổi bật nhất của sự liên minh đó" (8).

Hiện nay, Việt Nam đang chuyển mình, tốc độ đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ và như vậy sẽ có rất nhiều nông dân nhanh chóng chuyển hóa gia nhập đội ngũ công nhân. Trong giai cấp nông dân có rất nhiều người trẻ tuổi, có sức khỏe, có trình độ học vấn, có tay nghề chuyên môn, được đào tạo

tốt sẽ là lực lượng tăng cường bổ sung cho giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức. Bản thân giai cấp công nhân cũng phải coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực từ giai cấp mình. Yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đòi hỏi phải xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về mọi mặt, có đủ phẩm chất và năng lực để đáp ứng những yêu cầu của tình hình mới. Giai cấp công nhân phải thúc đẩy sự giao lưu hàng hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp; đồng thời mở rộng hơn nữa thành phần công nhân trong lao động nông nghiệp, vươn lên làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, có chính sách thiết thực để đoàn kết với trí thức nhằm giảm bớt được sự cách biệt giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa công nhân và trí thức để không ngừng củng cố và tăng cường khối liên minh công - nông - trí trong khối đại đoàn kết dân tộc.

Song song với quá trình chuyển hóa nông dân thành công nhân và xu hướng "trí thức hóa công nhân" tăng lên, số lượng trí thức gia nhập đội ngũ công nhân cũng tăng lên ngày càng nhiều. Mặc dù trí thức Việt Nam chưa bao giờ được hiểu là một giai cấp, nhưng do xuất thân phần lớn là từ nông dân, từ tầng lớp lao động và do hoàn cảnh chính trị-xã hội đặc biệt, nên trí thức Việt Nam có chung quan điểm với giai cấp công nhân và giai cấp nông dân về lợi ích dân tộc và giai cấp. Do đó công nhân, nông dân và trí thức luôn hợp tác, gắn bó chặt chẽ với nhau, xây dựng nên khối liên minh vững chắc dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

Sự liên minh công nhân, nông dân và trí thức được xây dựng và ngày càng tăng cường. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi Việt Nam đang đi vào kinh tế thị thức

và trong xu thế giao lưu hội nhập, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ với nhiều thách thức và sự tranh đua quyết liệt thì cần phải xây dựng đội ngũ trí thức đông đảo có đủ đức, đủ tài để lãnh đạo công nhân, nông dân thực hiện nhiệm vụ xây dựng đất nước. Như vậy, trong sự nghiệp CNH, HĐH, chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại thì vai trò của trí thức ngày càng trở nên quan trọng. Giai cấp công nhân phải có đội ngũ trí thức của giai cấp mình; đồng thời giai cấp công nhân và giai cấp nông dân trong nền kinh tế tri thức hiện nay cũng cần phải có kiến thức, có trình độ khoa học và công nghệ hiện đại mới hiện thực hóa được mục tiêu lý tưởng đã lựa chọn là *"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*.

Gắn kết chặt chẽ khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức, tạo mọi điều kiện thuận lợi để đưa khoa học kỹ thuật-công nghệ, tin học tác động vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản mà một trong những nội dung đó được cụ thể hóa trong sự liên kết "4 nhà" - nhà nước, nhà nông, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp sẽ được trình bày dưới đây.

## II. LIÊN KẾT "4 NHÀ" - NHÀ NƯỚC, NHÀ NÔNG, NHÀ KHOA HỌC VÀ NHÀ DOANH NGHIỆP" Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI

Từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) đến nay, Việt Nam đã trải qua hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều thay đổi căn bản. Cùng với khu vực công nghiệp và dịch vụ, khu vực nông nghiệp đã đóng góp một phần chủ yếu vào thành tựu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Những thành tựu to lớn của nông nghiệp Việt Nam giành được trong những năm qua là nhờ Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương đường lối đúng đắn, với những chính sách quan trọng về đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Trong đó có những chính sách về tín dụng, đầu tư, hỗ trợ kết cấu hạ tầng, chuyển giao khoa học-kỹ thuật và công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn; cũng như việc đẩy mạnh phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ các mặt hàng nông sản, tạo ra các vùng nguyên liệu, vùng nông sản ổn định cho sản xuất và phát triển bền vững.

Nhằm tạo điều kiện tiêu thụ nông sản hàng hóa của nông dân, thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, ngày 24-6-2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg *"Về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng"*. Theo đó, các Bộ ngành có liên quan đã ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện như: hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng, giảm thuế thu nhập, miễn giảm thuế nhập khẩu đối với các thiết bị chế biến, tạo điều kiện xây dựng mặt bằng phục vụ sản xuất và kinh doanh, khuyến khích chế tạo các máy móc thiết bị chế biến sản phẩm nông nghiệp sau khi thu hoạch... Nhà nước cũng khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động xuất khẩu tiêu thụ các mặt hàng nông sản.

Ngày 1-3-2003, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký bản cam kết liên tịch nhằm phối hợp phục vụ sản xuất của nông dân gồm liên kết "4 nhà"- nhà nước, nhà nông, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp (sau đây gọi là liên kết

"4 nhà" - TG) trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Trải qua 4 năm thực hiện, chúng ta đã bước đầu xây dựng thành công liên kết "4 nhà". Trong sản xuất, kinh doanh và trong đời sống xã hội, liên kết "4 nhà" đã phát huy được nhiều hiệu quả rất tích cực. Tuy nhiên, liên kết "4 nhà" cũng còn nhiều vấn đề cần được tranh luận mà hiện nay vẫn còn chưa ngã ngũ. Ví dụ trong liên kết "4 nhà" ai đóng vai trò "nhạc trưởng" hoặc làm chất "kết dính" trong quá trình liên kết đó? Nhà nước hay nhà nông, nhà khoa học hay nhà doanh nghiệp nắm giữ vai trò chủ chốt? Hội Nông dân, Hợp tác xã nông nghiệp có vai trò gì trong liên kết "4 nhà"?... Có nhiều ý kiến cho rằng vai trò Nhà nước là quan trọng nhất trong liên kết này; nhưng cũng có những ý kiến khác lại cho rằng Nhà nước nên "rút lui" vào hậu trường, mà không nên và cũng không thể "trực diện" trong các tranh chấp thương mại, Nhà nước phải nhường vai đó cho các Hội và Hiệp hội; Nhà nước chỉ nên đóng vai trò điều tiết bằng hệ thống luật lệ, chính sách, tạo hành lang pháp lý để duy trì cuộc chơi theo những chuẩn mực của WTO; và đã đến lúc Hội Nông dân phải đóng vai trò trung tâm và nòng cốt trong phát triển kinh tế. Hội Nông dân phải có vai trò chính trong mối liên hệ với "4 nhà" (9). Theo tôi vấn đề này cần được nhìn nhận và đánh giá một cách khách quan hơn. Tôi cho rằng thực sự Hội Nông dân chỉ đóng vai trò là trung gian liên kết giữa "4 nhà" là hợp lý. Hội Nông dân tranh thủ sự lãnh đạo của Đảng, phối hợp với chính quyền để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của mình.

Thực tế, cuộc sống trong những năm qua, mối liên kết chặt chẽ và có hiệu quả giữa "4 nhà" đã được trải nghiệm. Trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ nông sản, các

quan hệ liên kết kinh tế giữa Nhà nước với nông dân và các doanh nghiệp sản xuất, chế biến nông sản, doanh nghiệp thương mại và các cơ quan, các tổ chức nghiên cứu khoa học đã thực hiện việc ký kết hợp đồng. Những nỗ lực trong sản xuất nông sản hàng hóa bước đầu đã góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp. Cơ cấu diện tích các loại cây trồng đã thay đổi theo hướng tích cực, đem lại nhiều hiệu quả kinh tế cao, nhất là các loại cây trồng phục vụ xuất khẩu. Các mặt hàng nông sản tham gia xuất khẩu đã tạo được chỗ đứng trên thị trường quốc tế. Thị trường tiêu thụ nông sản được mở rộng, ngoài những thị trường truyền thống, nhiều thị trường mới ở khắp các châu lục đã được mở ra đối với hàng hóa nông sản có xuất xứ từ Việt Nam. Các Bộ ngành, các cơ quan Nhà nước và cả các doanh nghiệp, công ty xuất nhập khẩu đã đứng ra ký kết với đối tác nước ngoài nhiều hợp đồng sản xuất, chế biến và tiêu thụ các mặt hàng nông sản, góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu. Qua đó tăng nguồn thu ngoại tệ, nhất là tăng thêm nhiều việc làm và thu nhập cho người nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

Thông qua mối liên kết giữa nông dân với nhà khoa học và nhà doanh nghiệp, khoa học-kỹ thuật và công nghệ mới đã được áp dụng vào sản xuất, chế biến, góp phần nâng cao chất lượng cũng như hiệu quả một số mặt hàng nông sản, đưa nền nông nghiệp từng bước chuyển dần sang nền nông nghiệp hàng hóa.

Diễn hình cho thành công của các hợp đồng liên kết sản xuất và kinh doanh nông sản được ký kết giữa người nông dân với nhà doanh nghiệp là Nông trường sông Hậu, Công ty Bông Việt Nam, Công ty Sữa

Việt Nam... Hoặc nhiều ý tưởng liên kết thông qua ký kết hợp đồng giữa nông dân với nhà khoa học và nhà doanh nghiệp như Hiệp hội Trái cây Việt Nam đã cùng các tỉnh Bến Tre, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Thành phố Hồ Chí Minh liên kết sản xuất và tiêu thụ trái cây an toàn khu vực sông Tiền (GAP sông Tiền) nhằm giúp nông dân trồng cây ăn quả với diện tích lớn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng... (10).

Hiện nay, mô hình liên kết "4 nhà" đã được áp dụng thành công, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao ở nhiều địa phương trong cả nước. Tiêu biểu cho sự liên kết thành công giữa "4 nhà" là trường hợp thôn 6 xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Tại đây, chính quyền xã đã chủ động ký kết hợp đồng với các cơ quan nghiên cứu khoa học để nghiên cứu điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương và đi đến quyết định chuyển đổi cơ cấu cây trồng, từ trồng lúa sang trồng dưa trên vùng đất đồi. Chính quyền xã đã cùng Ban chỉ đạo vùng nguyên liệu Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao, cùng nhà máy và nông trường hỗ trợ cho nông dân vay vốn, giống, phân bón không tính lãi, hỗ trợ kỹ thuật trồng và bảo quản dưa sau khi thu hoạch... Về phía người nông dân cam kết bảo đảm nhập đủ sản lượng dưa cho Nhà máy chế biến dưa đóng hộp xuất khẩu Đồng Giao. Phần dưa thừa ngoài hợp đồng, người nông dân được bán ra thị trường với giá cao hơn. Nhờ đó, người nông dân có thêm tiền mua sắm đồ đạc và cải thiện đời sống. Điều quan trọng là chính quyền xã phối hợp với nhà máy tìm thị trường tiêu thụ nông sản cho nông dân, đảm bảo đầu ra, tạo cho nông sản có thị trường ổn định. Ngược lại về phía nhà máy sản xuất và chế biến có được nguồn nguyên

liệu ổn định, chắc chắn. Thông qua hợp đồng ký kết, Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao có 75 héc-ta dưa nguyên liệu ở thôn 6 xã Phú Long, đảm bảo đủ tiêu chuẩn loại dưa đóng hộp xuất khẩu. Như vậy, đã tạo ra được vùng nguyên liệu phát triển tập trung và bền vững. Bài học kinh nghiệm thành công được "4 nhà" ở đây rút ra là:

1. Phải giải quyết được lợi ích kinh tế giữa người lao động và doanh nghiệp.
2. Tổ chức đội ngũ cán bộ có tâm huyết, có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ giỏi.
3. Các chính sách, quy định phải cụ thể, rõ ràng.
4. Các bên tham gia phải cam kết và thực hiện đúng các điều khoản đã ký trong hợp đồng.

Ngoài việc xây dựng thành công vùng dưa nguyên liệu ở Ninh Bình, nhiều vùng nguyên liệu, vùng cây công nghiệp, vùng cây ăn quả, cây rau có quy mô lớn, vùng nông sản ổn định phát triển tập trung và bền vững đã được xây dựng ở nhiều địa phương trong cả nước như: diện tích các vùng trồng chè ở Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Hà Giang; trồng vải ở Lục Ngạn; mận ở Bắc Hà; vùng trồng rau sạch ở Đông Anh, ngoại thành Hà Nội; vùng mía đường ở Lam Sơn, Thanh Hóa; vùng trồng hoa ở Đà Lạt; trồng xoài ở đồng bằng sông Cửu Long...

Trong sản xuất và kinh doanh lúa gạo, các doanh nghiệp chủ yếu là các công ty kinh doanh lương thực Trung ương và ở cấp tỉnh, một số doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần liên doanh buôn bán lớn đã liên kết với nông dân trong hoạt động tiêu thụ lúa gạo. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh cả ở khâu thu mua, chế biến, buôn bán

trong nước và xuất khẩu. Việc mua bán thông qua ký kết hợp đồng hoặc hợp đồng ủy thác. Khối lượng mua bán, chất lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn, địa điểm giao hàng và phương thức thanh toán do người sản xuất và kinh doanh tự thỏa thuận, nhưng chủ yếu thông qua các đại lý, doanh nghiệp đầu mối, trung gian (về điểm này có một số điều còn mâu thuẫn, tôi sẽ phân tích ở phần sau). Ngoài ra, một số doanh nghiệp còn mua bán trực tiếp theo thỏa thuận, hợp đồng gia công xay xát, ký gửi đại lý tiêu thụ và nhiều hình thức linh hoạt khác. Tổng Công ty lương thực miền Bắc (Vinafood I) và Tổng Công ty Lương thực miền Nam (Vinafood II) là những doanh nghiệp kinh doanh gạo lớn nhất ở Việt Nam hiện nay (11).

Sự phát triển mạnh mẽ của nền nông nghiệp Việt Nam trong những năm qua do đường lối đổi mới và những quyết sách đúng đắn trong nông nghiệp, nông thôn cùng với quá trình mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo cho nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn Việt Nam được hưởng lợi rất nhiều. Việt Nam từ một quốc gia nhập khẩu lương thực đã trở thành nước xuất khẩu gạo lớn đứng hàng thứ hai trên thế giới. Xuất khẩu gạo đạt mức 3 - 4 triệu

tấn/năm. Năm 1999 đạt 4.560 ngàn tấn. Năm 2005 đạt khoảng 4 triệu tấn (12). Xuất khẩu gạo và hàng nông sản trở thành một trong 6 mặt hàng xuất khẩu chiến lược của Việt Nam. (Xem bảng 1).

Trong những năm từ 1991-1992, gạo xuất khẩu của Việt Nam luôn chiếm tỷ trọng từ 7 - 18% thị phần xuất khẩu gạo trên thị trường thế giới. Gạo Việt Nam giá rẻ, phù hợp với nhu cầu thị trường những nước đang phát triển. Năm 1991, mới chỉ có 20 nước nhập khẩu gạo Việt Nam, đến nay đã có hơn 80 nước trên thế giới nhập khẩu gạo Việt Nam, trong đó có cả những thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng gạo rất cao như Nhật Bản. Đầu năm 2007, Việt Nam đã trúng thầu xuất khẩu 14.000 tấn gạo tẻ hạt dài sang thị trường Nhật Bản, đến tháng 3 năm 2007 Việt Nam lại tiếp tục trúng thầu xuất khẩu 14.000 tấn gạo tẻ hạt dài sang Nhật Bản (13). Điều đó đã khẳng định uy tín, chất lượng gạo của Việt Nam đã ngày càng được nâng cao.

Sự phát triển toàn diện đã làm cho nông nghiệp Việt Nam tạo ra các sản phẩm phong phú hơn, đa dạng hơn, chất lượng tốt hơn. Cùng với gạo, tỉ lệ xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt trên 95%, chiếm 10% thị

**Bảng 1: Tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 1990-2002 (14)**

| Năm  | Sản lượng lúa<br>(ngàn tấn) | Sản lượng gạo XK<br>(ngàn tấn) | Giá trị gạo XK<br>(triệu USD) | Giá gạo XK<br>(USD/tấn) |
|------|-----------------------------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| 1990 | 19.225                      | 1.620                          | 304                           | 187,6                   |
| 1995 | 24.630                      | 2.060                          | 538                           | 266,0                   |
| 1999 | 31.393                      | 4.560                          | 1.025                         | 224,8                   |
| 2000 | 31.500                      | 3.800                          | 667                           | 191,8                   |
| 2001 | 32.900                      | 3.550                          | 661                           | 173,7                   |
| 2002 | 34.100                      | 3.400                          | 726                           | 213,5                   |



phần cả phê của thế giới và Việt Nam là nước xuất khẩu cả phê lớn thứ ba thế giới (15). Năm 2006, hồ tiêu của Việt Nam "được mùa" toàn diện cả về năng suất, sản lượng và giá bán với kim ngạch xuất khẩu 195 triệu USD, tỉ lệ xuất khẩu hồ tiêu chiếm 80 - 90 thị phần hồ tiêu của thế giới, Việt Nam giữ vững vị trí quốc gia xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất thế giới. Dự kiến xuất khẩu hồ tiêu năm 2007 đạt 300 triệu USD (16).

Như vậy, với những chính sách khuyến khích tiêu thụ hàng hóa nông sản thông qua hợp đồng của Nhà nước, mối liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản giữa nông dân với các doanh nghiệp và nhà khoa học đã góp phần tăng nhanh cả về số lượng lẫn chất lượng các mặt hàng nông sản phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu, đóng góp quan trọng vào công cuộc phát triển nông nghiệp, nông thôn trong quá trình CNH, HĐH đất nước. Tuy nhiên, vẫn cần phải tiếp tục nghiên cứu và cần làm rõ thêm về nội dung cũng như những điều kiện để đảm bảo cho tính hiệu quả và bền vững của mối liên kết giữa Nhà nước với nhà nông, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp.

Một thực tế là sau khi có Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) ngày 10-6-1993 "*Về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế nông thôn*" và năm 2003 Luật Đất đai được ban hành, kinh tế hộ nông dân đã có bước phát triển đáng kể. Nhưng trong tổ chức sản xuất hiện nay, chúng ta không thể cạnh tranh hạ giá thành, hoặc đáp ứng đơn đặt hàng theo cách sản xuất manh mún kiểu hộ gia đình. Hiện nay cả nước có 12 triệu hộ nông dân, với gần 100 triệu mảnh ruộng. Điều đó cho thấy sản xuất nông nghiệp của Việt Nam còn rất phân tán và manh mún; đồng thời, thực tế

đó đã làm cho một số hợp đồng tiêu thụ nông sản trong thời gian qua gặp thất bại. Do đó các địa phương thực hiện việc dồn điền đổi thửa hiện nay là phù hợp và cần thiết.

Mặt khác, trình độ chung của nông dân nông thôn ở Việt Nam tương đối thấp. Đã có người ví von rất hình ảnh rằng "4 người lao động ở nông thôn hiện nay có trình độ lớp 4 cộng lại cũng không thể là lớp 16, mà vẫn chỉ là lớp 4". Điều đó cho thấy cần phải có những người có học thức, có trình độ, được đào tạo để đứng ra lãnh đạo quản lý ở nông thôn hiện nay.

Tính tự giác chấp hành luật định và các cam kết trong hợp đồng thời gian qua có nơi, có lúc thực hiện chưa thật nghiêm. Chẳng hạn trong việc thu mua lúa gạo có thời điểm trước đây gặp nhiều khó khăn bởi khi Nhà nước thành lập các hợp tác xã nông nghiệp, đầu tư vốn, giống, phân bón, kỹ thuật, nước tưới tiêu cho nông dân. Nhưng khi thu hoạch, nông dân không giữ đúng cam kết, đã không bán lúa cho hợp tác xã, mà bán ra thị trường tự do. Do đó cần phải bổ sung *Luật Hợp tác xã*, cần có các chế tài quy định quyền và trách nhiệm của các bên. Còn một khó khăn khác là các doanh nghiệp chỉ quen mua lúa tại kho, còn các nông dân lại có thói quen bán lúa tại bờ. Do đó mọi việc mua bán lúa gạo phải dựa vào các thương lái và như vậy đã tạo điều kiện cho thương lái ở giữa thu lợi... Đến nay, đã trải qua 4 năm thực hiện nhưng trong nông dân vẫn còn nhiều trăn trở, nhiều hội nghị bàn về giải pháp liên kết "4 nhà" thực chất là để thực hiện có hiệu quả Quyết định 80 của Thủ tướng Chính phủ vẫn chưa đưa ra được giải pháp thỏa đáng nhằm mang lại hiệu quả cho nông dân. Thậm chí còn có ý kiến hơi quá lời cho rằng: mô hình liên kết "4 nhà" ở

nông thôn đồng bằng sông Cửu Long không phải là 4 nhà trên 4 cái thuyền trên vùng nước nổi, mà là 4 nhà trên 4 cái phao đang nổi. Đó là cách nói dí dỏm, song cũng để cho chúng ta nhiều suy nghĩ và phải tìm ra những giải pháp hợp lý.

\*

Có thể nói, sau hơn 20 năm đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Công cuộc đổi mới đã đưa Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, từng bước vượt qua nghèo nàn lạc hậu và tiến lên theo định hướng XHCN.

Việt Nam đã đạt được những thành tựu khả quan về kinh tế-xã hội, nhưng so với các nước trong khu vực và thế giới, Việt Nam vẫn là một nước nghèo. Đảng ta đã chỉ rõ: "Nguy cơ tụt hậu về kinh tế vẫn là thách thức lớn nhất ở Việt Nam hiện nay".

Ngày nay, Việt Nam đang đứng trước "cơ hội vàng". Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của WTO (17). Hội nhập kinh tế quốc tế thực sự đem lại nhiều lợi ích, nhưng cũng đem đến không ít nguy cơ và thách thức, nhất là đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Sau khi trở thành thành viên WTO, nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam có điều kiện mở rộng thị trường ra các nước, hàng hóa nông sản Việt Nam được hưởng quy chế đối xử quốc gia bình đẳng với các nước. Việc cắt giảm thuế nhập khẩu nông sản, mở rộng hạn ngạch và các ưu đãi quốc gia khác sẽ tạo điều kiện cho hàng hóa nông sản Việt Nam xâm nhập và mở rộng thị trường sang các nước thành viên WTO và nhiều nước khác.

Việt Nam cũng có cơ hội tiếp cận, áp dụng những thành tựu khoa học-công nghệ và phương pháp quản lý hiện đại. Cơ hội đầu tư cả trong và ngoài nước vào khu vực nông nghiệp, nông thôn được mở ra thuận lợi.

Vì vậy, Việt Nam phải biết đón nhận những cơ hội thuận lợi, kiên quyết khắc phục yếu kém để vượt qua mọi thách thức. Đối với khu vực nông nghiệp, nông thôn, Nhà nước cần tiến hành đồng thời một hệ thống các giải pháp đồng bộ, trong đó quan trọng nhất và trước hết là Nhà nước phải xây dựng chiến lược phát triển nền nông nghiệp hàng hóa lớn trong giai đoạn trung và dài hạn cũng như trong từng thời kỳ cụ thể; Mối liên kết giữa nông dân với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, thương mại, ngân hàng cần được cải thiện; đồng thời mối liên kết giữa nông dân với nhà khoa học và doanh nghiệp thông qua con đường công nghiệp hóa công nghệ là giải pháp căn bản và bền vững nhất cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước cần có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích mở rộng liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản giữa nông dân với nhà khoa học và doanh nghiệp để mở rộng thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng nông sản. Có như vậy mới đảm bảo cho thắng lợi của công cuộc CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, đưa Việt Nam tiến bước trên con đường phát triển vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" sánh vai cùng các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

## CHÚ THÍCH

(1). Trong thực tế hình thức khoán kiểu này đã có từ đầu những năm 60, lúc đó gọi là "khoán chui", bắt đầu ở Hải Phòng, Vĩnh Phúc...

(2). Nguyễn Sinh Cúc: *30 năm hợp tác hóa nông nghiệp ở nước ta*. Tạp chí *Thông tin lý luận*, tháng 11-1989, tr. 69.

(3). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới* (Đại hội VI, VII, VIII, IX). Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 402.

(4). Dẫn theo Lê Mạnh Hùng (Chủ biên) *Thực trạng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*. Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1998, tr. 7.

(5). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 80.

(6). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X*.... Đã dẫn, tr. 142, 150, 151.

(7). Đào Duy Quát: *Về công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 597.

(8). Lê Khả Phiêu: *Thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng vững bước tiến vào thế kỷ XXI*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 251-252.

(9). Theo quan điểm của Trần Đình Hiến: *"Phát huy vai trò Hội Nông dân là trung tâm và nòng cốt trong phát triển kinh tế-xã hội nông thôn thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế"*. Tài liệu Hội thảo khoa học "Hội Nông dân Việt Nam là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới". Tp. Hồ Chí Minh, 9-2006, tr. 53.

(10). Dẫn theo Nguyễn Xuân Dũng: *"Một số ý kiến về mối liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản ở Việt Nam hiện nay"*. Tài liệu Hội thảo khoa học "Hội Nông dân Việt Nam là trọng tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới", Tp. Hồ Chí Minh, 9-2006, tr. 102.

(11). Theo Nguyễn Xuân Dũng: Tlđd, tr. 102.

(12). Theo Hoàng Xuân Quế: *"Chính sách tài chính-tiền tệ thúc đẩy phát triển nông nghiệp-nông thôn theo hướng CNH, HĐH"*. Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế* số 335, tháng 4-2006, tr. 58.

(13). Theo *Báo Nông nghiệp Việt Nam* ngày 01 tháng 3 năm 2007.

(14). Dẫn theo: Nguyễn Khắc Thanh: *"Đẩy mạnh xuất khẩu gạo của Việt Nam trong thời gian trước mắt"*. Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế* số 310, tháng 3-2004, tr. 23.

(15). Nguyễn Văn Thường (Chủ biên): *Một số vấn đề kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới* (sách tham khảo). Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 299.

(16). *Báo Nông nghiệp Việt Nam*, số 22, ngày 30-1-2007.

(17). Sau 11 năm đàm phán, 17 giờ (giờ Hà Nội), tức 11 giờ ngày 7-11-2006 tại Trụ sở của Tổ chức Thương mại Thế giới ở Thủ đô Geneve (Thụy Sĩ), Đại hội đồng WTO họp phiên đặc biệt để thông qua các văn kiện về việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (Special session of the General council of 7 November 2006 on the accession of Viet Nam to WTO)... Sau khi được sự biểu quyết của 149 thành viên WTO, đã diễn ra nghi lễ trang trọng kết nạp Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).